

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 1/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Liên Mạc	Trời mù sương, t° = 19°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm ngược ra sông Hồng. Công Liên Mạc 1 và 2 mở thông, mực nước thấp.	Nước màu xanh đen.	7.65	96.4	0.15	0.5	9.713	0.383	621	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở công Liên Mạc lấy nước vào hệ thống
2	2	Cầu Diên Từ	Trời mù sương, t° = 19°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 8 km/h.	Nước màu đen,	7.61	31.4	0.4	0.4	31.080	0.191	574	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Liên	Dòng chảy rỉ về hạ lưu, mực nước thấp.	mùi hôi thối.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ Liên Mạc thau rửa hệ thống
3	3	Đập Hà Đông	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy rỉ, mực nước thấp, đập mở.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.52	36.5	0	0.5	68.376	0.236	727	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở đập Hà Đông rút nước bản. Bổ sung nước

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												từ Liên Mạc thau rửa hệ thống
4	4	Cầu Tó	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió Đông 7 km/h. Dòng chảy rì, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.7	47.9	0	0.6	75.369	0.563	805	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước từ Liên Mạc thau rửa hệ thống
5	5	Cầu Xém	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 82%, gió Đông 5 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.49	45.2	0.04	0.4	62.160	0.189	519	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<p>kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tựu rút nước bản. Bổ sung nước từ Liên Mạc thau rửa hệ thống</p>
6	6	Đập Đồng Quan	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 74%, gió Đông 5 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu, đập mở thông.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.6	45.3	0.8	0.3	5.058	0.126	469	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở đập Đồng Quan rút nước bản. Bổ sung nước từ Liên Mạc</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thau rửa hệ thống
7	7	Cầu Thần	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió ĐĐN 6 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu, mực nước thấp.	Nước màu xanh.	7.82	31.4	4.68	0.1	1.127	0.090	222	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ Liên Mạc thau rửa hệ thống
8	8	Đập Nhật Tựu	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 76%, gió Đông 6 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.52	20.5	2.81	0.3	2.486	0.128	474	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Mở đập Nhật Tựu rút nước bản. Bổ sung nước từ Liên Mạc thau rửa hệ thống
9	9	Cổng Lương Cỗ	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 79%, gió ĐDB 11 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu.	Nước màu xanh lục.	7.41	15.6	5.02	0.3	4.429	0.907	481	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở cống rút nước bản. Bổ sung nước từ cống Liên Mạc thau rửa

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												hệ thống
10	10	Cầu Vân - Phủ Lý	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 79%, gió ĐĐB 11 km/h. Dòng chảy rất chậm.	Nước màu xanh lục.	7.58	15.6	5.03	0.3	0.303	1.343	430	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Sông Đăm	Trời sương mù, t° = 19°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy nhanh, mực nước thấp. Phân biệt hai màu nâu đục và đen tại điểm nhập lưu vào sông Nhuệ, sau khi nhập lưu bị đẩy ngược về thượng lưu Liên Mạc.	Nước màu nâu đục.	7.74	104.5	0.08	0.5	37.296	0.704	704	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ sông Hồng qua cống Đan Hoài.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
12	12	Sông Cầu Ngà	Trời sương mù, t° = 19°C, độ ẩm 92%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy rì, mực nước rất thấp (cạn tro đáy).	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.02	91.7	0.02	0.7	3.263	0.281	934	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở cống rút bỏ nước bẩn.
13	13	Đập Thanh Liệt	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió Đông 7 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.63	30	0	0.6	81.585	0.385	839	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Đóng cống không cho nước bẩn vào sông Nhuệ

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
14	14	Kênh Xuân La	Trời sương mù, t° = 19°C, độ ẩm 90%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy xiết, xáo trộn rối ở hạ lưu. Hạ lưu nổi bọt trắng.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	8.06	4.3	0.9	0.5	21.756	0.268	662	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ
15	15	Kênh Phú Đô	Trời sương mù, t° = 19°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xám đục.	7.56	61.7	1.07	0.6	49.728	0.389	841	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
16	16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời sương mù, t° = 19°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, cống mở.	Nước màu xám đục.	7.67	77.8	1.5	0.7	36.519	0.430	871	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ
17	17	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời lạnh, t° = 21°C, độ ẩm 87%, gió ĐĐN 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.7	81.6	0	0.7	58.275	0.335	875	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở cống Yên Nghĩa tiêu nước bản, đón

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												nước từ Liên Mạc về
18	18	Kênh La Khê	Trời lạnh, t° = 21°C, độ ẩm 87%, gió ĐĐN 5 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước thấp.	Nước màu đen, nổi bọt.	8.19	70	0.09	0.7	41.181	0.412	974	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở cống Yên Nghĩa tiêu nước bản, đón nước từ Liên Mạc về
19	19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 74%, gió Đông 5 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.65	32.7	0.92	0.4	6.775	0.203	517	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
20	20	Kênh Duy Tiên	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió ĐĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ.	Nước màu xanh lục.	7.82	30.8	5.62	0.1	2.642	0.079	209	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở cống Tác Giang tăng lượng nước trong kênh.
21	21	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió Đông 6 km/h. Cống mở, dòng chảy chậm, mực nước thấp. Phân biệt rõ ràng hai màu nước tại điểm nhập lưu.	Nước màu xám đục.	7.79	109.3	0.87	0.8	32.634	0.558	997	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Xử lý trước khi thải ra sông Nhuệ
22	22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 82%, gió Đông 5 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	7.32	43.5	2.26	0.2	2.370	0.115	259	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời lạnh, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió Đông 7 km/h. Cống đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động.	Nước màu xanh lục.	7.47	52.7	2.47	0.3	2.145	0.180	351	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.